

CLASSROOM MANAGEMENT SOLUTIONS AND DEVELOPING SELF-STUDY SKILL FOR ELEMENTARY SCHOOL STUDENTS

Tran Minh Tri

Email: tranminhtri.10041992@gmail.com

An Thuan Elementary School
An Hoi B, An Thuan, Thanh Phu,
Ben Tre province, Vietnam

Received: 09/4/2025

Revised: 23/4/2025

Accepted: 23/5/2025

Published: 25/6/2025

Abstract: This study proposes practical solutions to enhance classroom management effectiveness and develop self-study skills for elementary school students. The research was conducted at 12 schools in Thanh Phu District, Ben Tre Province, using a mixed-method approach, including quantitative surveys (120 teachers, 240 students), classroom observations (36 sessions), in-depth interviews, and analysis of learning products. The findings reveal several limitations, such as top-down classroom management, limited student involvement in rule-setting, a lack of diverse assessment methods, and weak self-study skills. Notably, only 15.65% of students achieved “good” or “excellent” levels in self-study skills, with self-assessment and information-searching skills being the weakest. Based on theoretical foundations and practical insights, the study proposes a comprehensive system of solutions at three levels: Building a positive learning environment, innovating teaching and assessment methods, providing specific skill guidance such as planning, self-assessment, information searching, and technology application. A three-month pilot implementation at three schools showed that the percentage of students reaching “good” or “excellent” levels in self-study skills increased to 26.4%, along with improved classroom management effectiveness. These solutions are feasible, practical, and contribute to improving education quality and enhancing self-study capabilities for elementary school students.

Keywords: Classroom management, self - study skills, elementary education, educational solutions, growth mindset.

GIẢI PHÁP QUẢN LÝ LỚP HỌC VÀ RÈN KĨ NĂNG TỰ HỌC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

Trần Minh Trí

Email: tranminhtri.10041992@gmail.com

Trường Tiểu học An Thuận
An Hội B, An Thuận, huyện Thanh Phú,
tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Nhận bài: 09/4/2025

Chỉnh sửa xong: 23/4/2025

Chấp nhận đăng: 23/5/2025

Xuất bản: 25/6/2025

Tóm tắt: Nghiên cứu đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả quản lý lớp học và phát triển kĩ năng tự học cho học sinh tiểu học, thực hiện tại 12 trường ở huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre với phương pháp nghiên cứu hỗn hợp bao gồm khảo sát định lượng (120 giáo viên, 240 học sinh), quan sát lớp học (36 tiết), phỏng vấn sâu và phân tích sản phẩm học tập. Kết quả cho thấy, còn nhiều hạn chế như quản lý lớp học mang tính áp đặt, học sinh ít tham gia xây dựng nội quy, phương pháp đánh giá chưa đa dạng và kĩ năng tự học còn yếu. Đặc biệt, chỉ 15,65% học sinh đạt mức khá và tốt về kĩ năng tự học, trong đó kĩ năng tự đánh giá kết quả học tập và tìm kiếm xử lý thông tin là yếu nhất. Dựa trên cơ sở lí thuyết và thực tiễn, nghiên cứu đề xuất hệ thống giải pháp toàn diện theo ba cấp độ: Xây dựng môi trường học tích cực, đổi mới phương pháp dạy và đánh giá, hướng dẫn kĩ năng cụ thể như lập kế hoạch, tự đánh giá, tìm kiếm thông tin và ứng dụng công nghệ. Thực nghiệm tại ba trường cho thấy, sau 3 tháng áp dụng, tỉ lệ học sinh đạt mức khá và tốt về kĩ năng tự học tăng lên 26,4%, đồng thời cải thiện hiệu quả quản lý lớp học. Các giải pháp có tính khả thi, phù hợp với thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển năng lực tự học của học sinh tiểu học.

Từ khóa: Quản lý lớp học, kĩ năng tự học, giáo dục tiểu học, giải pháp giáo dục, tư duy phát triển.

1. Đặt vấn đề

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã xác định năng lực tự chủ và tự học là một trong những năng lực cốt lõi cần được hình thành và phát triển ở học sinh. Tuy nhiên, việc phát triển kỹ năng tự học, đặc biệt cho học sinh tiểu học - giai đoạn đặt nền móng cho thói quen học tập suốt đời - vẫn còn là một thách thức lớn. Theo Từ điển Tiếng Việt, “tự học” được định nghĩa là “tự mình tìm tòi, học hỏi để nắm vững kiến thức, kỹ năng”. Zimmerman (2002) mở rộng khái niệm này với định nghĩa học tập tự chủ là “Quá trình chủ động, có định hướng mà học sinh sử dụng để chuyển đổi khả năng tinh thần thành kỹ năng học tập”.

Qua quan sát và giảng dạy tại các trường tiểu học ở huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre, tác giả nhận thấy nhiều hạn chế trong cả quản lý lớp học và kỹ năng tự học của học sinh. Nhiều giáo viên vẫn áp dụng phương pháp quản lý lớp học truyền thống, trong khi học sinh còn phụ thuộc nhiều vào giáo viên và phụ huynh, thiếu khả năng lập kế hoạch, tìm kiếm thông tin và tự đánh giá. Nghiên cứu này xuất phát từ câu hỏi: “Làm thế nào để nâng cao hiệu quả quản lý lớp học đồng thời phát triển kỹ năng tự học cho học sinh tiểu học?”

Mặc dù hai vấn đề này thường được nghiên cứu riêng biệt nhưng thực tế chúng có mối quan hệ biện chứng và hỗ trợ lẫn nhau. Một môi trường lớp học được quản lý hiệu quả sẽ tạo điều kiện thuận lợi để học sinh phát triển kỹ năng tự học. Ngược lại, học sinh có kỹ năng tự học tốt sẽ chủ động, tự giác hơn trong học tập, giúp việc quản lý lớp học trở nên dễ dàng hơn. Nghiên cứu này nhằm mục đích lấp đầy khoảng trống về cách tiếp cận tổng thể đối với hai vấn đề này, đặc biệt trong bối cảnh giáo dục tiểu học ở Việt Nam.

Ý nghĩa của nghiên cứu này thể hiện ở ba khía cạnh: 1) Về mặt lý luận: Làm rõ mối quan hệ giữa quản lý lớp học và kỹ năng tự học; 2) Về mặt thực tiễn: Đề xuất các giải pháp cụ thể, khả thi để giáo viên áp dụng; 3) Về mặt chính sách: Cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá tại các trường tiểu học. Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, nghiên cứu này mong muốn góp phần vào quá trình đổi mới đó, đặc biệt tại huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre - nơi còn nhiều khó khăn về điều kiện giáo dục.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Tác giả tiến hành nghiên cứu, phân tích và tổng hợp các tài liệu liên quan đến quản lý lớp học và

rèn luyện kỹ năng tự học. Các tài liệu bao gồm sách chuyên khảo, bài báo khoa học, văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và các nghiên cứu trong và ngoài nước về đề tài này. Các lý thuyết chính được nghiên cứu bao gồm: lý thuyết tư duy phát triển (Growth mindset) của Dweck (2006), lý thuyết học tập trải nghiệm của Kolb (1984), lý thuyết học tập tự chủ (Self-regulated learning) của Zimmerman (2002), và lý thuyết quản lý lớp học của Evertson & Weinstein (2013).

2.2. Phương pháp điều tra khảo sát

2.2.1. Đối tượng và phạm vi khảo sát

Đối tượng khảo sát: 120 giáo viên và 240 học sinh tiểu học (từ lớp 3 đến lớp 5).

Phạm vi khảo sát: 12 trường tiểu học thuộc huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre gồm: Trường Tiểu học An Thuận, Trường Tiểu học Thanh Phú, Trường Tiểu học Mỹ Hưng, Trường Tiểu học Thới Thạnh, Trường Tiểu học Bình Thạnh, Trường Tiểu học Quới Điền, Trường Tiểu học Đại Điền, Trường Tiểu học Hòa Lợi, Trường Tiểu học Thanh Hải, Trường Tiểu học Thanh Phong, Trường Tiểu học An Điền và Trường Tiểu học An Thạnh.

Thời gian khảo sát: Từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 3 năm 2025.

2.2.2. Công cụ khảo sát

Phiếu khảo sát dành cho giáo viên: Gồm 18 câu hỏi đánh giá về thực trạng quản lý lớp học, phương pháp giảng dạy, đánh giá và rèn luyện kỹ năng tự học cho học sinh.

Phiếu khảo sát dành cho học sinh: Gồm 15 câu hỏi về thói quen học tập, kỹ năng tự học và cảm nhận về môi trường lớp học.

Bảng quan sát lớp học: Đánh giá các yếu tố như tổ chức lớp học, tương tác giữa giáo viên và học sinh, hoạt động học tập và hành vi của học sinh.

2.2.3. Khung kỹ thuật và tiêu chí đánh giá trong khảo sát

Nghiên cứu xây dựng khung kỹ thuật khảo sát với ba nhóm tiêu chí chính:

a) Tiêu chí về quản lý lớp học: Mức độ dân chủ trong xây dựng nội quy, tính đa dạng của hoạt động học tập và phương pháp đánh giá, mức độ tích cực của môi trường lớp học và hiệu quả quản lý hành vi.

b) Tiêu chí về kỹ năng tự học: Khả năng lập kế hoạch, tìm kiếm và xử lý thông tin, tự đánh giá, tính chủ động sáng tạo, ứng dụng kiến thức và sử dụng công nghệ.

c) Tiêu chí về mối quan hệ tương hỗ: Tác động qua lại giữa phương pháp quản lý lớp và kỹ năng tự học cùng vai trò của các yếu tố môi trường.

Các tiêu chí được đánh giá theo thang 4 mức với chỉ số định lượng cụ thể, phù hợp với từng đối tượng khảo sát: giáo viên, học sinh và hoạt động quan sát lớp học.

2.3. Phương pháp quan sát

Tác giả tiến hành quan sát trực tiếp 36 tiết học tại 12 trường tiểu học (3 tiết/trường), bao gồm các môn học khác nhau như: Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội và các hoạt động giáo dục khác. Quá trình quan sát tập trung vào các khía cạnh sau:

Cách thức quản lý lớp học của giáo viên: Cách thiết lập và duy trì nội quy, cách xử lý các tình huống phát sinh, cách tổ chức không gian và thời gian lớp học.

Mức độ tham gia của học sinh vào các hoạt động học tập: Sự chú ý, hứng thú, tích cực tham gia của học sinh.

Khả năng tự học và tự quản lý của học sinh: Khả năng làm việc độc lập, giải quyết vấn đề, hỗ trợ bạn bè.

Môi trường lớp học và không khí học tập: Sự tích cực, tương tác giữa giáo viên-học sinh và giữa học sinh với nhau.

2.4. Phương pháp phỏng vấn sâu

Tác giả tiến hành 12 cuộc phỏng vấn sâu với giáo viên tiểu học và cán bộ quản lý giáo dục (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn) nhằm tìm hiểu sâu hơn về:

Khó khăn trong quản lý lớp học: Những thách thức mà giáo viên gặp phải, nguyên nhân và giải pháp đang áp dụng.

Giải pháp đang áp dụng để phát triển kỹ năng tự học cho học sinh: Các phương pháp, công cụ và hoạt động hiện đang được sử dụng.

Đề xuất và ý kiến về các giải pháp cải thiện: Ý kiến của giáo viên và cán bộ quản lý về cách cải thiện tình hình.

2.5. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm giáo dục

Tác giả thu thập và phân tích các sản phẩm học tập của học sinh như vở ghi, bài kiểm tra, dự án, sổ theo dõi tự học và các sản phẩm sáng tạo khác để đánh giá mức độ phát triển kỹ năng tự học và hiệu quả của các phương pháp quản lý lớp học. Cụ thể, tác giả đã thu thập: 120 vở ghi chép của học sinh (10 học sinh/trường); 60 sản phẩm dự án học tập (5 sản phẩm/trường); 36 sổ theo dõi tự học của học sinh (3 sổ/trường).

2.6. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS với các phương pháp: 1/ Thống kê mô tả: Tính tần suất, tỉ lệ phần trăm, điểm trung bình; 2/ Phân tích so sánh: So sánh kết quả giữa các nhóm đối tượng; 3/ Phân tích tương quan: Xác định mối quan hệ giữa quản lý lớp học và kỹ năng tự học.

Đối với phiếu điều tra, kết quả được tính theo tỉ lệ %, mỗi chỉ tiêu được đánh giá theo 4 mức và mỗi mức được gán với một số điểm nhất định (tốt: 4 điểm, khá: 3 điểm, trung bình: 2 điểm, yếu: 1 điểm). Ở mỗi mức tính tổng điểm (Σ). Mỗi chỉ tiêu được tính tổng điểm các mức (Σ) và điểm trung bình cộng ($\bar{X}$) sau đó xếp theo thứ bậc để đánh giá mức độ đạt được của mỗi chỉ tiêu.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý luận về quản lý lớp học và rèn luyện kỹ năng tự học

3.1.1. Lý thuyết tư duy phát triển (Growth Mindset)

Dweck (2006) phân biệt giữa tư duy cố định (Fixed mindset) và tư duy phát triển (Growth mindset). Tư duy cố định là niềm tin rằng trí thông minh và năng lực là những phẩm chất bẩm sinh, không thể thay đổi đáng kể. Ngược lại, tư duy phát triển dựa trên niềm tin rằng, trí thông minh và năng lực có thể phát triển thông qua nỗ lực, học hỏi và kiên trì.

Áp dụng tư duy phát triển vào giáo dục tiểu học, giáo viên cần khen ngợi nỗ lực và quá trình thay vì chỉ khen kết quả, khuyến khích học sinh đối mặt với thách thức và xem sai lầm là cơ hội học tập. Cụ thể, giáo viên có thể sử dụng ngôn ngữ phản ánh tư duy phát triển, như: “Em chưa làm được... nhưng em sẽ làm được nếu cố gắng” thay vì “Em không giỏi...”; chia sẻ với học sinh về cách não bộ phát triển khi gặp thách thức; khen ngợi quá trình và nỗ lực; khuyến khích học sinh thử thách bản thân và không sợ thất bại.

Đối với kỹ năng tự học, lý thuyết này đóng vai trò nền tảng tâm lý quan trọng. Khi học sinh tin rằng khả năng tự học có thể phát triển qua rèn luyện, các em sẽ có động lực nội tại mạnh mẽ để vượt qua khó khăn và kiên trì trước thách thức. Nghiên cứu đã chứng minh học sinh tiểu học được nuôi dưỡng tư duy phát triển thường có khả năng tìm kiếm thông tin, tự điều chỉnh và kiên trì học tập tốt hơn - những thành tố cốt lõi của kỹ năng tự học.

3.1.2. Lý thuyết học tập trải nghiệm

Kolb (1984) đề xuất mô hình học tập trải nghiệm gồm bốn giai đoạn: Trải nghiệm cụ thể, quan sát phản chiếu, khái niệm hóa trừu tượng và thử nghiệm

tích cực. Mô hình này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học qua trải nghiệm và phản ánh, đặc biệt phù hợp với việc rèn luyện kỹ năng tự học cho học sinh tiểu học.

Chu trình học tập trải nghiệm của Kolb bao gồm: 1) Trải nghiệm cụ thể: Học sinh trực tiếp tham gia vào một hoạt động; 2) Quan sát phản chiếu: Học sinh suy ngẫm về trải nghiệm đó; 3) Khái niệm hóa trừu tượng: Học sinh rút ra các khái niệm, nguyên lý; 4) Thử nghiệm tích cực: Học sinh áp dụng những gì đã học vào tình huống mới. Thông qua học tập trải nghiệm, học sinh không chỉ tiếp nhận kiến thức một cách thụ động mà còn chủ động tham gia vào quá trình xây dựng kiến thức.

Trong phát triển kỹ năng tự học, lý thuyết này cung cấp khung phương pháp quan trọng. Đối với học sinh tiểu học, việc trải nghiệm trực tiếp các hoạt động tự học và phản ánh về quá trình giúp hình thành hiểu biết cụ thể về cách học hiệu quả. Học tập trải nghiệm đặc biệt phù hợp khi giáo viên tạo môi trường an toàn, khuyến khích thử nghiệm và kết nối với thực tế.

3.1.3. Lý thuyết học tập tự chủ (Self-regulated Learning)

Zimmerman (2002) định nghĩa học tập tự chủ là quá trình chủ động, có định hướng mà học sinh sử dụng để chuyển đổi khả năng tinh thần thành kỹ năng học tập. Theo lý thuyết này, học tập tự chủ bao gồm ba giai đoạn chính: 1) Giai đoạn chuẩn bị: Học sinh xác định mục tiêu học tập và lập kế hoạch; 2) Giai đoạn thực hiện: Học sinh theo dõi và điều chỉnh quá trình học tập; 3) Giai đoạn phản hồi: Học sinh tự đánh giá kết quả học tập và điều chỉnh cho những lần học tiếp theo.

Các thành phần quan trọng của học tập tự chủ bao gồm: Tự nhận thức, tự động lực, tự quản lý và tự đánh giá. Lý thuyết này cung cấp khung lý thuyết quan trọng cho việc phát triển kỹ năng tự học ở học sinh tiểu học.

Lý thuyết này đóng vai trò trung tâm trong phát triển kỹ năng tự học. Với học sinh tiểu học, khả năng tự điều chỉnh là nền tảng cho việc hình thành kỹ năng tự học suốt đời. Các nghiên cứu cho thấy can thiệp dựa trên lý thuyết này mang lại hiệu quả cao cho cấp Tiểu học. Phương pháp “giàn giáo” - hỗ trợ từng bước rồi dần giảm sự hỗ trợ - đặc biệt hiệu quả ở lứa tuổi này.

3.1.4. Lý thuyết quản lý lớp học

Evertson & Weinstein (2013) nhấn mạnh vai trò của quản lý lớp học trong việc phát triển năng lực xã

hội và đạo đức của học sinh. Theo các tác giả, quản lý lớp học hiệu quả cần đạt được năm mục tiêu: 1) Phát triển mối quan hệ chăm sóc và hỗ trợ giữa giáo viên và học sinh; 2) Tổ chức và triển khai hướng dẫn để tối đa hóa khả năng tiếp cận và học tập của học sinh; 3) Thúc đẩy sự phát triển kỹ năng tự điều chỉnh và trách nhiệm xã hội của học sinh; 4) Phòng ngừa và can thiệp hiệu quả đối với các vấn đề hành vi; 5) Sử dụng các phương pháp can thiệp phù hợp để hỗ trợ học sinh có vấn đề về hành vi.

Kounin (1970) nhấn mạnh tầm quan trọng của “Sự linh hoạt” (Withitness) và “Tính đa nhiệm” (Overlapping) trong quản lý lớp học. Giáo viên cần nhận thức được mọi việc xảy ra trong lớp và có khả năng xử lý nhiều tình huống cùng lúc. Marzano (2017) đề xuất bốn yếu tố chính của quản lý lớp học hiệu quả: thiết lập quy tắc và thủ tục rõ ràng, xây dựng mối quan hệ tích cực, duy trì trách nhiệm và cam kết học tập và chiến lược xử lý hành vi không phù hợp.

Lý thuyết quản lý lớp học hiện đại đã chuyển từ mô hình kiểm soát sang mô hình trao quyền, đặc biệt phù hợp với phát triển kỹ năng tự học. Môi trường lớp học được quản lý hiệu quả tạo điều kiện để học sinh phát triển tính tự chủ. Các lớp học có sự tham gia của học sinh vào quá trình ra quyết định thường có tỉ lệ học sinh tự giác cao hơn và việc thúc đẩy kỹ năng tự điều chỉnh có mối liên hệ trực tiếp với phát triển kỹ năng tự học.

3.1.5. Mối quan hệ giữa các lý thuyết và ứng dụng trong nghiên cứu

Bốn lý thuyết nền tảng trên có mối quan hệ tương hỗ, tạo thành khung lý thuyết toàn diện cho nghiên cứu:

- Lý thuyết tư duy phát triển tạo nền tảng tâm lý cho cả giáo viên và học sinh, giúp tin vào khả năng phát triển kỹ năng tự học thông qua nỗ lực.

- Lý thuyết học tập trải nghiệm cung cấp khung phương pháp để thiết kế hoạt động học tập giúp học sinh hình thành kỹ năng tự học qua trải nghiệm trực tiếp.

- Lý thuyết học tập tự chủ xác định các thành tố cụ thể của kỹ năng tự học và các bước phát triển kỹ năng này.

- Lý thuyết quản lý lớp học tạo khung cấu trúc cho việc xây dựng môi trường trao quyền cho học sinh phát triển kỹ năng tự học.

Với học sinh tiểu học, các lý thuyết được kết hợp để phù hợp với đặc điểm tâm lý và nhận thức của lứa

tuổi này. Nghiên cứu sử dụng cả bốn lý thuyết làm cơ sở xây dựng giải pháp đồng bộ, tạo mối quan hệ biện chứng: Môi trường lớp học được quản lý hiệu quả sẽ tạo điều kiện phát triển kỹ năng tự học; khi học sinh có kỹ năng tự học tốt, việc quản lý lớp học cũng trở nên hiệu quả hơn.

3.2. Thực trạng quản lý lớp học và rèn kỹ năng tự học cho học sinh tiểu học

3.2.1. Thực trạng về quản lý lớp học ở các trường tiểu học

Theo đánh giá về việc thực hiện các biện pháp quản lý lớp học ở các trường, nhìn chung đạt mức độ khá và tốt chiếm 38,72%, mức độ trung bình chiếm 52,36%, bên cạnh đó mức độ yếu chiếm 8,92%. Trong từng nội dung quản lý lớp học vẫn còn nội dung được đánh giá yếu như: Xây dựng nội quy với sự tham gia của học sinh (chiếm 13,52%); áp dụng phương pháp đánh giá đa dạng (chiếm 15,30%); quản lý hành vi với sự phối hợp từ gia đình (chiếm 8,66%).

Trong các nội dung đánh giá, xây dựng môi trường học tập tích cực có điểm trung bình cao nhất ($X = 2,48$), tiếp theo đến quản lý hành vi với sự phối hợp từ gia đình ($X = 2,43$). Tuy nhiên, áp dụng phương pháp đánh giá đa dạng ở mức trung bình thấp ($X = 2,16$).

Kết quả phỏng vấn sâu với giáo viên cũng chỉ ra rằng, nhiều giáo viên vẫn gặp khó khăn trong việc áp dụng các phương pháp quản lý lớp học hiện đại, đặc biệt là trong việc khuyến khích sự tham gia của học sinh vào quá trình xây dựng nội quy và áp dụng các phương pháp đánh giá đa dạng. Một giáo viên tại Trường Tiểu học Thạnh Phú chia sẻ: “Tôi muốn để học sinh tham gia vào việc xây dựng nội quy nhưng thực sự khó để các em hiểu và đề xuất những

quy định phù hợp. Nên thường thì tôi vẫn là người đưa ra các quy định chính”.

Qua quan sát thực tế lớp học, tác giả nhận thấy hầu hết các lớp học đều có bảng nội quy được treo ở vị trí dễ thấy, nhưng nội quy thường do giáo viên đơn phương đưa ra, thiếu sự tham gia của học sinh. Mô hình quản lý lớp học vẫn là giáo viên “truyền - trò tiếp nhận” với việc giáo viên đóng vai trò là người đưa ra các quyết định và học sinh là người thực hiện. Mặc dù nhiều giáo viên đã nhận thức được tầm quan trọng của việc xây dựng môi trường học tập tích cực nhưng các biện pháp thực hiện còn mang tính hình thức, chưa thực sự phát huy vai trò chủ động của học sinh.

3.2.2. Thực trạng về kỹ năng tự học của học sinh tiểu học

Kết quả khảo sát đánh giá thực trạng kỹ năng tự học của học sinh tiểu học cho thấy: Có 15,65% đạt mức độ khá và tốt, mức độ trung bình chiếm 37,32%, bên cạnh đó vẫn còn học sinh ở mức độ yếu chiếm 15,70%. Đặc biệt, kỹ năng tự đánh giá kết quả học tập chiếm 20,50% yếu; kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin chiếm 17,50% yếu; kỹ năng ứng dụng kiến thức vào thực tế chiếm 16,20% yếu.

Các nội dung được đánh giá ở mức cao là: Kỹ năng sử dụng công nghệ hỗ trợ học tập có điểm trung bình cao nhất ($X = 2,50$), tiếp theo đến kỹ năng chủ động, sáng tạo trong học tập ($X = 2,49$). Tuy nhiên, kỹ năng tự đánh giá kết quả học tập ($X = 2,21$) còn thấp nhất.

Qua phân tích sản phẩm học tập của học sinh, tác giả nhận thấy nhiều em còn gặp khó khăn trong việc tự tổ chức và quản lý việc học. Các sản phẩm học tập thường thiếu tính sáng tạo và cá nhân hóa, phản ánh sự phụ thuộc vào hướng dẫn của giáo viên. Một học

Bảng 1: Đánh giá thực trạng áp dụng các biện pháp quản lý lớp học ở các trường tiểu học

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đạt được				
		Tốt (%)	Khá (%)	Trung bình (%)	Yếu (%)	X (Thứ bậc)
1	Xây dựng nội quy với sự tham gia của học sinh	10,83	13,77	62,10	13,52	2,22 (5)
2	Tổ chức hoạt động học tập đa dạng	12,40	14,27	54,17	9,17	2,40 (3)
3	Áp dụng phương pháp đánh giá đa dạng	9,20	12,73	62,77	15,30	2,16 (4)
4	Xây dựng môi trường học tập tích cực	14,50	13,27	57,40	4,83	2,48 (1)
5	Quản lý hành vi với sự phối hợp từ gia đình	9,77	12,07	69,50	8,66	2,43 (2)
Đánh giá chung		11,34	27,38	52,36	8,92	2,34

Bảng 2: Đánh giá của giáo viên về kĩ năng tự học của học sinh tiểu học

TT	Kĩ năng tự học	Mức độ đạt được				
		Tốt (%)	Khá (%)	TB (%)	Yếu (%)	X (Thứ bậc)
1	Lập kế hoạch học tập	6,07	9,83	38,30	14,00	2,40 (4)
2	Tìm kiếm và xử lí thông tin	5,23	9,20	39,20	17,50	2,31 (5)
3	Tự đánh giá kết quả học tập	4,10	8,23	42,50	20,50	2,21 (6)
4	Chủ động, sáng tạo trong học tập	7,17	10,40	35,80	11,50	2,49 (2)
5	Ứng dụng kiến thức vào thực tế	5,60	9,43	38,70	16,20	2,35 (3)
6	Sử dụng công nghệ hỗ trợ học tập	7,83	10,90	29,30	14,50	2,50 (1)
Đánh giá chung		5,98	9,67	37,32	15,70	2,38

sinh lớp 4 tại Trường Tiểu học Mỹ Hưng chia sẻ: “Em không biết phải làm gì khi không hiểu bài, thường thì em chờ cô giáo hoặc bố mẹ giúp.”

Kết quả khảo sát cho thấy, phần lớn học sinh (102 em, chiếm 42,3%) chỉ dành 30 - 60 phút mỗi ngày

cho việc tự học. Đáng chú ý, có tới 56 em (23,5%) dành dưới 30 phút - một khoảng thời gian quá ngắn để phát triển kĩ năng tự học hiệu quả. Chỉ có 20 em (8,5%) dành trên 90 phút cho việc tự học hàng ngày. Tổng cộng, có tới 65,8% học sinh dành dưới 60 phút cho việc tự học mỗi ngày.

Bảng 3: Thời gian tự học của học sinh tiểu học mỗi ngày (ngoài giờ học chính khóa)

Thời gian tự học	Số lượng học sinh	Tỉ lệ (%)
Dưới 30 phút	56	23,5
30-60 phút	102	42,3
60-90 phút	62	25,7
Trên 90 phút	20	8,5
Tổng	240	100

Phân tích Bảng 3 và Bảng 4 cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa thời gian tự học hạn chế và các yếu tố ảnh hưởng. Phương pháp giảng dạy của giáo viên có ảnh hưởng lớn nhất (56,3% đánh giá rất lớn), phản ánh vai trò then chốt của giáo viên trong việc định hướng và tạo động lực tự học. Sự hỗ trợ từ gia đình đứng thứ hai (48,7%), cho thấy môi trường gia đình là yếu tố quan trọng để học sinh duy trì thói quen tự học bền vững.

3.2.3. Phân tích nguyên nhân của các hạn chế

Qua phân tích số liệu và phỏng vấn với giáo

Bảng 4: Yếu tố ảnh hưởng đến kĩ năng tự học của học sinh tiểu học

TT	Yếu tố	Mức độ ảnh hưởng			
		Rất lớn (%)	Lớn (%)	Vừa (%)	Ít (%)
1	Phương pháp giảng dạy của giáo viên	56,3	32,5	8,7	2,5
2	Sự hỗ trợ từ gia đình	48,7	35,2	12,6	3,5
3	Cơ sở vật chất, trang thiết bị	38,5	42,3	15,7	3,5
4	Nội dung chương trình học	35,2	45,3	16,8	2,7
5	Điều kiện kinh tế gia đình	32,7	37,8	19,5	10,0
6	Môi trường bạn bè	28,5	36,7	24,8	10,0

viên, nghiên cứu xác định được một số nguyên nhân chính dẫn đến các hạn chế trong quản lý lớp học và rèn luyện kỹ năng tự học:

a. Về quản lý lớp học

- Quản lý lớp còn mang tính áp đặt: Do ảnh hưởng tư duy giáo dục truyền thống, giáo viên thường quyết định mọi quy tắc trong lớp mà thiếu sự tham gia của học sinh.

- Đánh giá chưa đa dạng: Giáo viên ít sử dụng các hình thức đánh giá quá trình, tự đánh giá, đồng đẳng. Áp lực thành tích khiến họ thiên về đánh giá kết quả.

- Phối hợp nhà trường - gia đình hạn chế: Kênh liên lạc chưa hiệu quả; phụ huynh bận rộn, ít tham gia vào các hoạt động giáo dục.

b. Về kỹ năng tự học

- Thiếu kỹ năng tự đánh giá: Học sinh chưa được hướng dẫn xây dựng tiêu chí và tự nhìn nhận quá trình học tập.

- Kỹ năng tìm kiếm, xử lý thông tin yếu: Chưa được hướng dẫn cụ thể; thư viện và nguồn học liệu chưa được khai thác hiệu quả.

- Thời gian tự học ít: Do lịch học thêm dày đặc, bị thu hút bởi giải trí và thiếu định hướng từ gia đình.

- Công nghệ chưa được khai thác hiệu quả: Hạn chế về thiết bị, mạng Internet và kỹ năng sử dụng công nghệ phục vụ học tập.

3.3. Mô hình logic về mối quan hệ giữa các giải pháp

Dựa trên các kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất mô hình logic về mối quan hệ giữa các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý lớp học và rèn luyện kỹ năng tự học cho học sinh tiểu học. Mô hình này thể hiện ba cấp độ của các giải pháp:

Giải pháp nền tảng: Đây là những giải pháp tạo cơ sở vững chắc cho các giải pháp khác, bao gồm: xây dựng môi trường học tập tích cực dựa trên tư duy phát triển và nâng cao năng lực chuyên môn của giáo viên về quản lý lớp học và rèn luyện kỹ năng tự học.

Giải pháp tương tác: Là những giải pháp tạo ra sự kết nối giữa nền tảng và kết quả, bao gồm: xây dựng nội quy lớp học theo nguyên tắc dân chủ với sự tham gia của học sinh; tổ chức hoạt động học tập đa dạng theo hướng học tập trải nghiệm; áp dụng phương pháp đánh giá đa dạng, chú trọng đánh giá quá trình và tự đánh giá; tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

Giải pháp kỹ năng cụ thể: Là những giải pháp trực tiếp phát triển các kỹ năng tự học cho học sinh, bao gồm: hướng dẫn lập kế hoạch học tập cá nhân; dạy cách tìm kiếm và xử lý thông tin; hướng dẫn tự đánh giá kết quả học tập; khuyến khích tính chủ động, sáng tạo trong học tập; tạo cơ hội thực hành và ứng dụng kiến thức vào thực tế; ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ tự học.

Mô hình này cho thấy các giải pháp có mối quan hệ chặt chẽ với nhau: Giải pháp nền tảng tạo điều kiện cho giải pháp tương tác phát huy hiệu quả và các giải pháp tương tác hỗ trợ trực tiếp cho việc phát triển các kỹ năng cụ thể. Đồng thời, các giải pháp cũng tác động qua lại lẫn nhau, tạo nên một hệ thống toàn diện.

3.4. Đề xuất các giải pháp cụ thể

3.4.1. Giải pháp nền tảng

a. Xây dựng môi trường học tập tích cực dựa trên tư duy phát triển

Giáo viên cần tạo ra một lớp học an toàn về tâm lý, nơi học sinh được khuyến khích đặt câu hỏi, thử nghiệm và không sợ mắc lỗi. Việc sử dụng ngôn ngữ tích cực, tập trung vào quá trình thay vì kết quả, giúp học sinh hình thành tư duy phát triển. Thay vì khen: “Con thật thông minh”, giáo viên nên nói: “Con đã rất nỗ lực” để nhấn mạnh giá trị của sự cố gắng. Những câu chuyện về người nổi tiếng vượt qua khó khăn cũng góp phần truyền cảm hứng, khuyến khích học sinh kiên trì.

Bên cạnh đó, giáo viên có thể tổ chức “Góc chia sẻ” trong lớp để học sinh trình bày nỗ lực cá nhân, kể cả thất bại và bài học rút ra. Việc lồng ghép các bài học ngắn về hoạt động của não bộ giúp học sinh hiểu rằng năng lực có thể phát triển qua rèn luyện.

b. Nâng cao năng lực chuyên môn của giáo viên

Nâng cao năng lực chuyên môn giúp giáo viên tổ chức lớp học hiệu quả và rèn kỹ năng tự học cho học sinh. Nhà trường cần tổ chức các khóa tập huấn về quản lý lớp học hiện đại, phương pháp dạy học tích cực, đồng thời xây dựng môi trường học tập chuyên nghiệp, nơi giáo viên được chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau. Sự thay đổi trong vai trò của giáo viên - từ người truyền đạt sang người hướng dẫn - sẽ tạo điều kiện để học sinh chủ động khám phá tri thức.

Ngoài ra, các hoạt động cụ thể như sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, xây dựng thư viện tài liệu giảng dạy, tổ chức hội thảo với chuyên gia giáo dục và khuyến khích giáo viên học tập trực tuyến sẽ góp phần làm mới phương pháp dạy học.

3.4.2. Giải pháp tương tác

a. *Xây dựng nội quy lớp học theo nguyên tắc dân chủ với sự tham gia của học sinh*

Ngay từ đầu năm học, giáo viên nên tổ chức các buổi thảo luận để học sinh cùng tham gia xây dựng nội quy lớp học. Việc khuyến khích học sinh đưa ra ý kiến, giải thích rõ ràng ý nghĩa từng quy định giúp các em hiểu và có trách nhiệm hơn với những quy định chung. Điều này góp phần tạo nên một môi trường dân chủ, nơi học sinh cảm thấy được tôn trọng và có tiếng nói. Nhiều học sinh tự giác hơn khi chính mình là người đề xuất ra quy tắc.

Quá trình xây dựng nội quy có thể thực hiện theo các bước: tổ chức hoạt động nêu ý tưởng, chia nhóm thảo luận các lĩnh vực cụ thể, bỏ phiếu chọn quy định quan trọng, thống nhất hậu quả khi vi phạm và phân công học sinh giám sát việc thực hiện. Cách làm này giúp học sinh không chỉ rèn kỹ năng hợp tác, tự quản mà còn phát triển tinh thần trách nhiệm với tập thể.

b. *Tổ chức hoạt động học tập đa dạng theo hướng học tập trải nghiệm*

Để tạo hứng thú và phát triển kỹ năng tự học, giáo viên cần đa dạng hóa phương pháp dạy học như dạy học theo dự án, trò chơi học tập, thảo luận nhóm, thí nghiệm và trải nghiệm thực tế. Học sinh được chủ động khám phá, tìm tòi và tham gia vào quá trình học tập sẽ tiếp thu kiến thức một cách sâu sắc và bền vững hơn. Việc thiết kế các nhiệm vụ học tập mang tính thử thách cũng giúp học sinh phát huy khả năng tư duy và giải quyết vấn đề.

Một số hình thức hiệu quả, gồm: dạy học dự án nhỏ theo nhóm, lớp học đảo ngược, thực hành thí nghiệm, hoặc các chuyến tham quan học tập ngoài lớp. Việc kết hợp linh hoạt các hoạt động này không chỉ làm tăng sự tương tác mà còn giúp học sinh vận dụng kiến thức vào thực tiễn, từ đó củng cố và nâng cao kỹ năng tự học của các em.

c. *Áp dụng phương pháp đánh giá đa dạng, chú trọng đánh giá quá trình và tự đánh giá*

Giáo viên cần áp dụng nhiều hình thức đánh giá như quan sát, phỏng vấn, sản phẩm học tập hay kiểm tra, đồng thời khuyến khích học sinh tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng. Việc sử dụng rubric rõ ràng, phản hồi kịp thời và cụ thể sẽ giúp học sinh hiểu rõ tiêu chí, biết được điểm mạnh và điểm cần cải thiện.

Một số hình thức nên được triển khai như: xây dựng rubric theo từng nhiệm vụ, sử dụng hồ sơ học tập (portfolio), quan sát quá trình làm việc nhóm, và tổ chức thảo luận kết quả học tập. Khi học sinh được

chủ động đánh giá và tự nhận xét, các em sẽ phát triển năng lực tự học, từ đó nâng cao tính tự giác, tự chịu trách nhiệm trong học tập.

d. *Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng*

Việc rèn luyện kỹ năng tự học của học sinh chỉ đạt hiệu quả khi có sự đồng hành giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng. Giáo viên cần thường xuyên tổ chức họp phụ huynh, hội thảo chia sẻ phương pháp hỗ trợ con học tại nhà; đồng thời sử dụng các kênh liên lạc như: Zalo, Messenger để cập nhật tình hình học tập và trao đổi kịp thời. Phụ huynh được hướng dẫn cụ thể sẽ biết cách hỗ trợ con học hiệu quả hơn.

Các hoạt động phối hợp có thể bao gồm: Tổ chức “Ngày hội gia đình” để phụ huynh cùng học tập với con, cung cấp tài liệu hướng dẫn học tại nhà, kết nối với tổ chức xã hội để tạo cơ hội trải nghiệm học tập cho học sinh. Sự kết nối này sẽ giúp tạo môi trường học tập liên tục và thực tế, góp phần phát triển kỹ năng tự học một cách bền vững cho học sinh.

3.4.3. Giải pháp kỹ năng cụ thể

a. *Hướng dẫn học sinh lập kế hoạch học tập cá nhân*

Để phát triển kỹ năng lập kế hoạch, giáo viên cần cung cấp cho học sinh các mẫu kế hoạch học tập đơn giản, phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi tiểu học. Học sinh được hướng dẫn xác định mục tiêu học tập theo nguyên tắc SMART (Cụ thể: Đo lường được, Có thể đạt được, Phù hợp và Có thời hạn); chia nhỏ mục tiêu thành các bước cụ thể; xây dựng thời gian biểu và sắp xếp thứ tự ưu tiên cho các nhiệm vụ.

Việc hướng dẫn lập kế hoạch có thể thực hiện qua các bước: Giới thiệu mẫu kế hoạch; hướng dẫn xác định mục tiêu; phân chia mục tiêu thành nhiệm vụ nhỏ; xây dựng lịch trình phù hợp; theo dõi và đánh giá tiến độ. Kết quả thực tế cho thấy, khi học sinh được rèn kỹ năng này thường xuyên, các em có ý thức học tập tốt hơn, biết tổ chức công việc và tự điều chỉnh hoạt động học tập một cách hiệu quả.

b. *Dạy cách tìm kiếm và xử lý thông tin từ các nguồn tài liệu đáng tin cậy*

Trong thời đại bùng nổ thông tin, việc trang bị cho học sinh kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin là rất cần thiết. Giáo viên cần hướng dẫn học sinh sử dụng thư viện, tra cứu tài liệu, tìm kiếm thông tin trên internet bằng cách sử dụng từ khóa hợp lý. Đồng thời, học sinh cần được dạy cách đánh giá độ tin cậy của nguồn thông tin dựa trên các yếu tố như tác giả, thời gian công bố và sự đồng nhất với các nguồn khác. Các hoạt động như hướng dẫn sử dụng thư

viện, dạy cách ghi chép thông tin theo sơ đồ tư duy, bảng tóm tắt hay bảng so sánh sẽ giúp học sinh tổ chức thông tin một cách khoa học. Ngoài ra, tổ chức các hoạt động theo nhóm như “Săn thông tin” theo chủ đề không chỉ rèn luyện kỹ năng mà còn tạo hứng thú và tăng cường sự tương tác giữa học sinh trong quá trình học tập.

c. Hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả học tập

Tự đánh giá là kỹ năng quan trọng giúp học sinh nhận ra điểm mạnh, điểm yếu của bản thân để có hướng điều chỉnh phù hợp trong học tập. Giáo viên cần cung cấp tiêu chí đánh giá rõ ràng, giúp học sinh so sánh kết quả học tập của mình với yêu cầu đề ra. Học sinh được khuyến khích ghi chép quá trình học, nhận diện những nội dung cần cải thiện và xây dựng kế hoạch khắc phục. Hoạt động tự đánh giá có thể thực hiện qua việc sử dụng rubric đơn giản, tổ chức đánh giá đồng đẳng, áp dụng phương pháp “Hai ngôi sao và một điều ước” hoặc ghi nhật ký học tập hằng tuần. Khi được hướng dẫn đúng cách, học sinh sẽ hình thành tư duy phản biện tích cực, biết tự nhìn nhận và phát triển bản thân một cách chủ động, hiệu quả hơn.

d. Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ tự học

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập góp phần nâng cao khả năng tự học và tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận nguồn tri thức phong phú. Giáo viên có thể giới thiệu các phần mềm, ứng dụng học tập phù hợp với lứa tuổi, tạo nhóm học trực tuyến để học sinh trao đổi kiến thức và giao nhiệm vụ học tập có sử dụng công nghệ như thiết kế bài thuyết trình, tìm kiếm hình ảnh theo chủ đề. Các hoạt động sử

dụng công nghệ không chỉ giúp học sinh hứng thú học tập mà còn hình thành kỹ năng tra cứu, chọn lọc, tổng hợp thông tin - những kỹ năng thiết yếu trong thời đại số hiện nay.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã làm rõ thực trạng quản lý lớp học và rèn luyện kỹ năng tự học cho học sinh tiểu học tại huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre, cho thấy còn nhiều hạn chế trong cách thức tổ chức lớp học và mức độ phát triển kỹ năng tự học của học sinh. Trên cơ sở lý luận hiện đại về học tập phát triển và kết quả khảo sát thực tiễn, nhóm tác giả đã đề xuất hệ thống giải pháp toàn diện gồm ba cấp độ: Nền tảng, tương tác và kỹ năng cụ thể với hướng dẫn chi tiết để triển khai. Kết quả thực nghiệm tại ba trường tiểu học cho thấy hiệu quả tích cực, góp phần nâng cao chất lượng quản lý lớp học và phát triển năng lực tự học của học sinh. Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn gặp một số khó khăn như thói quen giáo dục truyền thống, hạn chế về cơ sở vật chất và áp lực chương trình. Vì vậy, cần sự phối hợp đồng bộ từ các cấp quản lý, nhà trường, giáo viên, phụ huynh và cộng đồng. Nghiên cứu không chỉ góp phần bổ sung cơ sở lý luận mà còn mang tính thực tiễn cao với các giải pháp cụ thể có thể áp dụng rộng rãi. Tác giả đề xuất mở rộng nghiên cứu sang các địa phương khác, thực hiện nghiên cứu dài hạn, phát triển công cụ đánh giá kỹ năng tự học và xây dựng mô hình bồi dưỡng giáo viên nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đặc biệt là trong việc hình thành và phát triển năng lực tự chủ, tự học cho học sinh tiểu học.

Tài liệu tham khảo

- Bandura, A. (1977). *Social learning theory*. General Learning Press.
- Dweck, C. S. (2006). *Mindset: The new psychology of success*. Random House.
- Evertson, C. M., & Weinstein, C. S. (2013). *Handbook of classroom management: Research, practice and contemporary issues*. Routledge.
- Fullan, M. (2007). *The new meaning of educational change*. Teachers College Press.
- Hattie, J. (2009). *Visible learning for teachers: Maximizing impact on learning*. Routledge.
- Kolb, D. A. (1984). *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. Prentice-Hall.
- Kounin, J. S. (1970). *Discipline and group management in classrooms*. Holt, Rinehart and Winston.
- Marzano, R. J. (2017). *The new art and science of teaching*. Solution Tree Press.
- Paris, S. G., & Paris, A. H. (2001). Classroom applications of research on self-regulated learning. *Educational Psychologist*, 36(2), 89–101.
- Viện Ngôn ngữ học. (2008). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Từ điển Bách khoa.
- Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Harvard University Press.
- William, D. (2011). *Embedded formative assessment*. Solution Tree Press.
- Zimmerman, B. J. (2002). Becoming a self-regulated learner: An overview. *Theory into Practice*, 41(2), 64–70.